

Số: 170 /ĐA-TMDL

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2024

ĐỀ ÁN
VỊ TRÍ VIỆC LÀM TRONG TRƯỜNG
CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội là cơ sở giáo dục nghề nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội. Nhà trường thực hiện tự chủ 100% kinh phí chi thường xuyên từ năm 2021 tới nay.

Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm trong Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội được UBND Thành phố Hà Nội về việc phê duyệt từ năm 2017. Từ khi Đề án được phê duyệt, Nhà trường đã triển khai nghiêm túc, hiệu quả, là cơ sở để xác định số lượng người làm việc, tuyển dụng, bố trí, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, điều động, bổ nhiệm viên chức quản lý...

Tuy nhiên hiện nay, Chính phủ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nội vụ và các bộ ngành khác có nhiều văn bản quy định mới về vị trí việc làm. Một số vị trí việc làm của Nhà trường đã được phê duyệt không còn phù hợp với quy định hiện hành. Nhà trường có thay đổi về cơ cấu tổ chức bộ máy theo Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của UBND thành phố Hà Nội nên cần thiết xác định lại vị trí việc làm đáp ứng với yêu cầu thực tế và nhu cầu phát triển của Nhà trường.

Thực hiện Kế hoạch số 96/KH-UBND ngày 21/3/2023 triển khai xây dựng Đề án vị trí việc làm trong các cơ quan, tổ chức hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố Hà Nội, Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội cần thiết xây dựng Đề án vị trí việc làm nhằm cơ cấu sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, viên chức, người lao động khoa học hợp lý đúng người đúng việc đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, giảm đầu mối, tiết kiệm biên chế viên chức, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ tự chủ tài chính, cải cách tiền lương của Trường.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ

1. Văn bản pháp lý về việc thành lập, quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của đơn vị sự nghiệp công lập

- Luật Giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13 ngày 27/11/2014 của Quốc hội;
- Nghị định số 48/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục nghề nghiệp;
- Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 07/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;
- Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính Phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập;
- Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ lao động và thương binh xã hội Quy định về Điều lệ trường cao đẳng;
- Quyết định số 5689/QĐ-BGDĐT ngày 01/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội trên cơ sở Trường Trung học Thương mại và Du lịch Hà Nội
- Quyết định số 25/2021/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND Thành phố Hà Nội ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của UBND thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 5266/QĐ-UBND ngày 16/12/2021 của UBND thành phố Hà Nội điều chỉnh thời hạn vị trí việc làm trong các tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thành phố Hà Nội;
- Quyết định số 1670/QĐ-UBND ngày 17/5/2022 của UBND thành phố Hà Nội về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội.

2. Văn bản quy định về chức danh nghề nghiệp, cơ cấu viên chức và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập

- Luật viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010;
- Thông tư số 12/2012/TT-BNV ngày 18/12/2012 của Bộ Nội vụ quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;
- Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2014 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ;

- Thông tư số 11/2014/TT-BNV ngày 09/10/2014 Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số ngạch và tiêu chuẩn nghiệp vụ chuyên môn các ngạch công chức chuyên ngành hành chính;

- Thông tư số 13/2014/TT-BNV ngày 30 tháng 10 năm 2014 của Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành lưu trữ;

- Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28 tháng 11 năm 2014 quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

- Thông tư liên tịch số 02/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV ngày 19 tháng 5 năm 2015 quy định mã số tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thư viện;

- Thông tư Liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27 tháng 5 năm 2015 của Bộ Y tế - Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y;

- Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 quy định chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp và Thông tư số 28/2022/TT-BLĐTBXH, ngày 28/12/2022 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tuyển dụng, sử dụng, bồi dưỡng và chế độ làm việc của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;

- Thông tư số 08/2017/TT-BLĐTBXH ngày 10/3/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội Quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;

- Thông tư số 21/2020/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2020 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều Quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;

- Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

- Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

- Thông tư số 03/2019/TT-BNV ngày 14/5/2019 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch ngạch công chức, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính Nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

- Văn bản hợp nhất số 06/VBHN-BNV ngày 03/7/2019 của Bộ Nội vụ hợp nhất Thông tư quy định về chức danh nghề nghiệp và thay đổi chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

- Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

- Thông tư số 29/2022/TT-BTC ngày 03/6/2022 của Bộ Tài chính Quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành kế toán, thuế, hải quan, dự trữ.

- Thông tư số 02/2022/TT-BVHTTDL ngày 01/7/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành thư viện;

- Thông tư số 07/2022/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2022 của Bộ Nội vụ quy định chức danh, mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp thi hoặc xét, thăng hạng, bổ nhiệm và xếp lương viên chức chuyên ngành lưu trữ;

- Thông tư số 07/2023/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 8 năm 2023 của Bộ Lao động Thương binh – Xã hội quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; xếp lương, thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.

III. THỰC TRẠNG THỰC HIỆN ĐỀ ÁN VỊ TRÍ VIỆC LÀM

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nội dung đề án vị trí việc làm

Nhà trường đã được phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm trong Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội tại Quyết định số 8534/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của UBND Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Vị trí việc làm đã được phê duyệt, tập thể lãnh đạo Nhà trường đã chỉ đạo triển khai thực hiện Đề án vị trí việc làm như sau:

- Xác định cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp, số lượng người làm việc, số lượng hợp đồng lao động làm công tác chuyên môn của Nhà trường và mỗi đơn vị trực thuộc luôn đảm bảo tiết kiệm, không hết chỉ tiêu được giao.

- Đề án vị trí việc làm đã phê duyệt giúp xác định các tiêu chí quan trọng trong tuyển dụng viên chức, người lao động phù hợp với từng vị trí làm việc. Công tác tuyển dụng tuân thủ theo đúng cơ cấu, số lượng chức danh nghề nghiệp, tiêu chuẩn chọn nhân sự phù hợp với từng vị trí, đáp ứng bản mô tả của từng vị trí việc làm.

- Công tác sử dụng, quản lý, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức đều dựa trên yêu cầu cấp độ của từng năng lực đối với mỗi vị trí, từ đó đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ khách quan, xác định được những năng lực mà cán bộ, viên chức cần để đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm thực hiện đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện, đúng quy định.

- Rà soát lại tổ chức bộ máy, đội ngũ và xác định từng vị trí trong đơn vị gắn với việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Nhà trường, giúp phát hiện những chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ của các vị trí việc làm, tránh tình trạng định sẵn nhân sự sau đó mới tạo ra công việc và tránh sự chồng chéo khi phân công, giao việc.

2. Kết quả thực hiện đề án vị trí việc làm giai đoạn 2017 đến nay

a) Căn cứ triển khai

Sau khi được UBND Thành phố phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm trong Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội tại Quyết định số 8534/QĐ-UBND ngày 08/12/2017, Nhà trường đã rà soát, sắp xếp lại các vị trí việc làm trong toàn trường cho phù hợp với tình hình thực tế.

b) Số lượng, cơ cấu vị trí việc làm:

- Số lượng vị trí việc làm:

+ Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành: **11 vị trí**

+ Nhóm Nghề nghiệp chuyên ngành: **01 vị trí**

+ Nhóm Chuyên môn dùng chung: **16 vị trí**

+ Nhóm Hỗ trợ, phục vụ: **03 vị trí**

- Cơ cấu vị trí việc làm:

+ Nhóm lãnh đạo, quản lý, điều hành là 49 người: **32.23%**

+ Nhóm Nghề nghiệp chuyên ngành là 70 người: **46.05%**

+ Nhóm Chuyên môn dùng chung là 33 người: **21.7%**

- + Nhóm Hỗ trợ, phục vụ là 07 người: **4.6%**
- Cơ cấu chức danh nghề nghiệp tối đa:
 - + Chức danh nghề nghiệp hạng I: **0 người**
 - + Chức danh nghề nghiệp hạng II: **45 người**
 - + Chức danh nghề nghiệp hạng III: **105 người**
 - + Khác: **9 người**

c) Việc rà soát đội ngũ viên chức hằng năm theo đề án vị trí việc làm được phê duyệt.

- Số viên chức được rà soát theo Vị trí việc làm phải điều chuyển để phù hợp với bằng cấp, chuyên môn, nghiệp vụ: **0 trường hợp**
- Số viên chức phải đào tạo, bồi dưỡng bổ sung cho phù hợp với vị trí việc làm: **0 trường hợp**
- Số viên chức được giải quyết tinh giản biên chế: **0 trường hợp**
- Số viên chức có sắp xếp khác: **0 trường hợp**

3. Đánh giá chung việc thực hiện đề án vị trí việc làm

a) Ưu điểm

Nhà trường luôn thực hiện tốt các chính sách, pháp luật về công tác quản lý biên chế, tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức, người lao động. Công tác tuyển dụng, sử dụng viên chức đảm bảo theo đúng vị trí việc làm, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, biên chế được giao và đúng cơ cấu, chỉ tiêu đã được thành phố phê duyệt.

b) Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân: Không.

IV. PHƯƠNG ÁN RÀ SOÁT VỊ TRÍ VIỆC LÀM

1. Về Danh mục vị trí việc làm

- Nhóm lãnh đạo, quản lý: **11 vị trí;**
- Nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành: **06 vị trí;**
- Nhóm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung: **13 vị trí;**
- Nhóm hỗ trợ, phục vụ: **03 vị trí.**

(Chi tiết tại Phụ lục 1)

2. Về dự kiến số lượng người làm việc

- Số lượng người làm việc được giao năm 2024: **159 chỉ tiêu** gồm: **152** viên chức và **07** lao động hợp đồng.
- Số lượng người làm việc dự kiến đến năm 2026: **159 chỉ tiêu** gồm: **152** viên chức và **07** lao động hợp đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục 2, 3)

3. Về cơ cấu chức danh nghề nghiệp

- Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng II và tương đương:
45/152 chiếm 29.6%

- Viên chức tương ứng với chức danh nghề nghiệp hạng III và tương đương:
105/152 chiếm 69.07%

- Chức danh khác: **2/152 chiếm 1.3 %**

(Chi tiết tại Phụ lục 3)

4. Về Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm

Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội đã chỉ đạo xây dựng Bản mô tả công việc và Khung năng lực cụ thể cho từng vị trí việc làm. Đây là cơ sở quan trọng để thực hiện tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá viên chức, người lao động hàng năm của Nhà trường.

(Chi tiết tại Phụ lục 4)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Giám hiệu trình Hội đồng trường xin thông qua Dự thảo Đề án vị trí việc làm của Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội.

2. Ban Giám hiệu trình Sở Nội vụ Hà Nội xem xét, cho ý kiến về Đề án vị trí việc làm. Trên cơ sở văn bản nhất trí của Sở Nội vụ, Hiệu trưởng có trách nhiệm ban hành và triển khai Quyết định phê duyệt Danh mục vị trí việc làm, Bản mô tả công việc và Khung năng lực vị trí việc làm nghiêm túc, hiệu quả. *nhh*

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ Hà Nội
- BCH Đảng bộ;
- Các đồng chí Phó Hiệu trưởng;
- Lưu VT, TC.

HIỆU TRƯỞNG



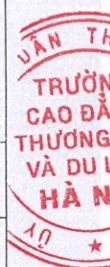
TS. Trịnh Thị Thu Hà



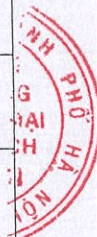
PHỤ LỤC 1
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM
CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI
(Kèm theo Đề án vị trí việc làm số 170/ĐA-TMDL ngày 04/4/2024 của Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)

T T	TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM	MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM	THUỘC PHÒNG/ ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
I	Nhóm VTVL lãnh đạo, quản lý			
I.1	VTVL Hội đồng trường			
1	Chủ tịch Hội đồng trường	HDT 01/TMDL		
2	Thành viên Hội đồng trường	HĐT 02/TMDL	Các phòng, khoa, trung tâm thuộc Trường	Kiểm nhiệm
I.2	VTVL lãnh đạo, quản lý thuộc Trường			
1	Hiệu trưởng	LĐQL 01/TMDL		
2	Phó Hiệu trưởng	LĐQL 02/TMDL		
3	Trưởng phòng	LĐQL 03/TMDL	Các phòng: Tổ chức - Hành chính quản trị; Khoa học, Thanh tra và Kiểm định chất lượng; Đào tạo: Công tác học sinh sinh viên.	
4	Trưởng khoa và tương đương	LĐQL 04/TMDL	- Các khoa: Ngoại ngữ; Kinh doanh thương mại; Khách sạn du lịch; Tài chính - Kế toán; Khoa học cơ bản; Công nghệ chế biến. - Bộ môn Giáo dục thể chất, Quốc phòng - an ninh.	
5	Giám đốc Trung tâm	LĐQL 05/TMDL	Trung tâm Liên kết đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp	
6	Phó Trưởng phòng	LĐQL 06/TMDL	Các phòng: Tổ chức - Hành chính quản trị; Khoa học, Thanh tra và Kiểm định chất lượng;	

T T	TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM	MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM	THUỘC PHÒNG/ ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
			Đào tạo; Công tác học sinh sinh viên.	
7	Phó Trưởng khoa và tương đương	LĐQL 07/TMDL	- Các khoa: Ngoại ngữ; Kinh doanh thương mại; Khách sạn du lịch; Tài chính - Kế toán; Khoa học cơ bản; Công nghệ chế biến. - Bộ môn Giáo dục thể chất, Quốc phòng - an ninh.	
8	Phó Giám đốc Trung tâm	LĐQL 08/TMDL	Trung tâm Liên kết đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp	
9	Trưởng bộ môn (thuộc khoa)	LĐQL 09/TMDL	Các khoa: Ngoại ngữ; Khách sạn du lịch; Kinh doanh thương mại; Tài chính - Kế toán; Khoa học cơ bản; Công nghệ chế biến.	
II	Nhóm VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành			
1	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II)	NNCN 01/TMDL	Các phòng, khoa, trung tâm thuộc Trường	
2	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	NNCN 02/TMDL		
3	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III)	NNCN 03/TMDL		
4	Chuyên viên về quản lý hoạt động đào tạo	NNCN 04/TMDL	Phòng Đào tạo	
5	Chuyên viên về quản lý chất lượng giáo dục nghề nghiệp	NNCN 05/TMDL	Phòng Khoa học, Thanh tra và Kiểm định chất lượng	
6	Chuyên viên về quản lý học sinh sinh viên, công tác chính trị tư tưởng	NNCN 06/TMDL	Phòng Công tác học sinh sinh viên	
III	Nhóm VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung			
1	Chuyên viên về tổng hợp	CMDC 01/TMDL	- Phòng Khoa học, Thanh tra và Kiểm định chất lượng.	



T T	TÊN VỊ TRÍ VIỆC LÀM	MÃ VỊ TRÍ VIỆC LÀM	THUỘC PHÒNG/ ĐƠN VỊ	GHI CHÚ
			- Trung tâm Liên kết đào tạo và Quan hệ doanh nghiệp.	
2	Kế toán trưởng	CMDC 02/TMDL	Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị	
3	Kế toán viên	CMDC 03/TMDL		
4	Chuyên viên Thủ quỹ	CMDC 04/TMDL		
5	Văn thư viên	CMDC 05/TMDL		Kiểm nhiệm Lưu trữ viên
6	Y tế học đường	CMDC 06/TMDL		
7	Chuyên viên về quản trị công sở	CMDC 07/TMDL		
8	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	CMDC 08/TMDL		Kiểm nhiệm chuyên viên về tổ chức bộ máy
9	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	CMDC 09/TMDL		
10	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin	CMDC 10/TMDL		
11	Chuyên viên về truyền thông	CMDC 11/TMDL	Phòng Đào tạo	
12	Chuyên viên về hợp tác quốc tế	CMDC 12/TMDL	Phòng Khoa học, Thanh tra và Kiểm định chất lượng	
13	Thư viện viên	CMDC 13/TMDL	Phòng Công tác học sinh sinh viên	
IV Nhóm VTVL hỗ trợ, phục vụ				
1	Nhân viên lái xe	HTPV 01/TMDL	Phòng Tổ chức - Hành chính quản trị	
2	Nhân viên phục vụ	HTPV 02/TMDL		
3	Nhân viên kỹ thuật	HTPV 03/TMDL		



PHỤ LỤC 02
DỰ KIẾN SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC THEO TỪNG VỊ TRÍ VIỆC LÀM
CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI
(Kèm theo Đề án vị trí việc làm số 170/ĐA-TMDL ngày 04/4/2024 của Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)

S T T	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng vị trí việc làm	Biên chế giao năm 2024		Dự kiến biên chế năm 2026		GHI CHÚ
			Số lượng người làm việc (Biên chế viên chức)	HĐLĐ theo NĐ111	Số lượng người làm việc (Biên chế viên chức)	HĐLĐ theo NĐ111	
	Tổng cộng	34	152	7	152	7	
I	Nhóm VTVL lãnh đạo, quản lý	11	52		52		
I.1	VTVL Hội đồng trường	2	1		1		
1	Chủ tịch Hội đồng trường	1	1		1		
2	Thành viên Hội đồng trường	1					Kiểm nhiệm
I.2	VTVL lãnh đạo, quản lý thuộc Trường	9	51		51		
1	Hiệu trưởng	1	1		1		
2	Phó Hiệu trưởng	1	3		3		
3	Trưởng phòng	1	4		4		
4	Trưởng khoa và tương đương	1	7		7		
5	Giám đốc Trung tâm	1	1		1		
6	Phó Trưởng phòng	1	8		8		
7	Phó Trưởng khoa và tương đương	1	13		13		
8	Phó Giám đốc Trung tâm	1	1		1		
9	Trưởng bộ môn (thuộc khoa)	1	13		13		
II	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	6	82		82		
1	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II)	1	25		25		
2	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	1	40		40		

S T T	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng vị trí việc làm	Biên chế giao năm 2024		Dự kiến biên chế năm 2026		GHI CHÚ
			Số lượng người làm việc (Biên chế viên chức)	HĐLĐ theo NĐ111	Số lượng người làm việc (Biên chế viên chức)	HĐLĐ theo NĐ111	
3	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III)	1	5		5		
4	Chuyên viên về quản lý hoạt động đào tạo	1	6		6		
5	Chuyên viên về quản lý chất lượng giáo dục nghề nghiệp	1	2		2		
6	Chuyên viên về quản lý học sinh sinh viên, công tác chính trị tư tưởng	1	4		4		
III	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	13	18		18		
1	Chuyên viên về tổng hợp	1	3		3		
2	Kế toán trưởng	1	1		1		
3	Kế toán viên	1	2		2		
4	Chuyên viên Thủ quỹ	1	1		1		
5	Văn thư viên	1	1		1		
6	Y tế học đường	1	2		2		
7	Chuyên viên về quản trị công sở	1	2		2		
8	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	1	1		1		
9	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	1	1		1		
10	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin	1	1		1		
11	Chuyên viên về truyền thông	1	1		1		
12	Chuyên viên về hợp tác quốc tế	1	1		1		
13	Thư viện viên	1	1		1		



S T T	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Số lượng vị trí việc làm	Biên chế giao năm 2024		Dự kiến biên chế năm 2026		GHI CHÚ
			Số lượng người làm việc (Biên chế viên chức)	HĐLĐ theo NĐ111	Số lượng người làm việc (Biên chế viên chức)	HĐLĐ theo NĐ111	
IV	VTVL hỗ trợ, phục vụ	3		7		7	
1	Nhân viên lái xe	1		2		2	
2	Nhân viên phục vụ	1		3		3	
3	Nhân viên kỹ thuật	1		2		2	





PHỤ LỤC 03.1

**SỐ LƯỢNG, TỶ LỆ VIÊN CHỨC THEO NHÓM VỊ TRÍ VIỆC LÀM
CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI**

*(Kèm theo Đề án vị trí việc làm số 170/ĐA-TMDL ngày 04/4/2024 của
Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)*

TT	Nhóm Vị trí việc làm	Năm 2024		Năm 2026	
		Số lượng người làm việc (Biên chế viên chức)	Tỷ lệ	Số lượng người làm việc (Biên chế viên chức)	Tỷ lệ
1	VTVL lãnh đạo, quản lý	52	34,2%	52	34,2%
2	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành	82	53,9%	81	53,3%
3	VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung	18	11,9%	18	11,9%
	Tổng cộng	152	100%	152	100%



PHỤ LỤC 03.2
SỔ LƯƠNG, CƠ CẤU CHỨC DANH NGHIỆP VIÊN CHỨC
CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI
Kiểm theo Đề án vị trí việc làm số 170/ĐA-TMDL ngày 04/4/2024 của Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)

ĐƠN VỊ	Số lượng viên chức		Số lượng/hạng CDNN của viên chức		Tỷ lệ hạng CDNN viên chức				Ghi chú
	Năm 2024	Dự kiến đến năm 2026	Số lượng CDNN viên chức	Hạng CDNN viên chức	Năm 2024		Dự kiến đến năm 2026		
					Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI	152	152	8	Vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chuyên môn dùng chung	100	100%	100	100%	
				Giảng viên GDNN chính (hạng II)	25	25%	25	25%	
				Giảng viên GDNN lý thuyết (hạng III)	40	40%	40	40%	
				Giảng viên GDNN thực hành (hạng III)	5	5%	5	5%	
				Chuyên viên	23	23%	23	23%	
				Kế toán viên	3	3%	3	3%	
				Văn thư viên	1	1%	1	1%	
				Thư viên viên hạng III	1	1%	1	1%	
				Điều dưỡng hạng IV	2	2%	2	2%	



PHỤ LỤC 04.1
TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN, CƠ CẤU CHỨC DANH NGÀNH NGHIỆP VIÊN CHỨC
THEO NHÓM VỊ TRÍ VIỆC LÀM CỦA TRƯỜNG CAO ĐẲNG THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH HÀ NỘI
(Kèm theo Đề án vị trí việc làm số 170/ĐA-TMDL ngày 04/4/2024 của Trường Cao đẳng Thương mại và Du lịch Hà Nội)

TT	Tên vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp tương ứng	Mã CDNN	Hạng CDNN	Trình độ chuyên môn được đào tạo
I	Nhóm VTVL lãnh đạo, quản lý				
I.1	VTVL Hội đồng trường				
1	Chủ tịch Hội đồng trường				Tốt nghiệp Thạc sĩ trở lên chuyên ngành: Quản trị kinh doanh, Luật hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp hoặc phù hợp với một trong các ngành nghề đào tạo của Nhà trường.
2	Thành viên Hội đồng trường				Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành: Sư phạm, Luật, Kinh tế hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp hoặc chuyên ngành nghề phù hợp với một trong các ngành nghề đào tạo của Nhà trường.
I.2	VTVL lãnh đạo, quản lý thuộc Trường				
1	Hiệu trưởng				Tốt nghiệp Thạc sĩ trở lên chuyên ngành: Kinh tế, Quản trị - Quản lý, Sư phạm, Chính trị, Luật, Triết học hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp hoặc phù hợp với một trong các ngành nghề đào tạo của Nhà trường.
2	Phó Hiệu trưởng				Tốt nghiệp Thạc sĩ trở lên chuyên ngành: Chính trị, Luật, Triết học, Kinh tế, Quản trị - Quản lý, Sư phạm hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp hoặc phù hợp với một trong các ngành nghề đào tạo của Nhà trường.
3	Trưởng phòng				Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành: Quản trị - Quản lý, Hành chính, Sư phạm, Kế toán, Tài chính, Kinh tế, Chính trị,

TT	Tên vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp tương ứng	Mã CDNN	Hạng CDNN	Trình độ chuyên môn được đào tạo
					Triết học, Luật hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp hoặc ngành nghề phù hợp với một trong các ngành nghề đào tạo của Nhà trường. <i>(Đối với Trường phòng Đào tạo phải iới nghiệp Thạc sĩ trở lên)</i>
4	Trưởng khoa và tương đương				Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành: Thương mại điện tử, Kinh doanh, Khách sạn - Du lịch, Ngoại ngữ, Kế toán, Tài chính, Kiểm toán, Kinh tế, Chính trị, Triết học, Luật, Sư phạm, Kỹ thuật, Công nghệ hoặc ngành nghề phù hợp với một trong các ngành nghề đào tạo của Nhà trường.
5	Giám đốc Trung tâm				Tốt nghiệp Đại học trở lên các ngành: Kinh tế, Quản trị - Quản lý, Quan hệ quốc tế, Sư phạm hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp hoặc ngành nghề phù hợp với một trong các ngành nghề đào tạo của Nhà trường.
6	Phó Trưởng phòng				Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành: Quản trị - Quản lý, Hành chính, Sư phạm, Kế toán, Tài chính, Kinh tế, Chính trị, Triết học, Luật hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp hoặc ngành nghề phù hợp với một trong các ngành nghề đào tạo của Nhà trường.
7	Phó Trưởng khoa và tương đương				Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành: Thương mại điện tử, Kinh doanh, Khách sạn - Du lịch, Ngoại ngữ, Kế toán, Tài chính, Kiểm toán, Kinh tế, Chính trị, Triết học, Luật, Sư phạm, Kỹ thuật, Công nghệ hoặc ngành nghề phù hợp với một trong các ngành nghề đào tạo của Nhà trường.
8	Phó Giám đốc Trung tâm				Tốt nghiệp Đại học trở lên các ngành: Kinh tế, Quản trị - Quản lý, Quan hệ quốc tế, Sư phạm hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp hoặc ngành nghề phù hợp với một trong các ngành nghề đào tạo của Nhà trường.

TT	Tên vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp tương ứng	Mã CDNN	Hạng CDNN	Trình độ chuyên môn được đào tạo
9	Trưởng bộ môn (thuộc khoa)				Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành: Sư phạm, Công nghệ, Kinh doanh, Thương mại, Khách sạn - Du lịch, Ngoại ngữ, Kế toán, Tài chính, Kiểm toán, Kinh tế, Chính trị, Triết học, Luật hoặc ngành nghề phù hợp với một trong các ngành nghề đào tạo của Nhà trường.
II Nhóm VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên ngành					
1	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II)	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính	V.09.02.02	Hạng II	- Giảng viên dạy lý thuyết có bằng thạc sĩ trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy; - Giảng viên vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành có bằng cử nhân trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có chứng chỉ đáp ứng tiêu chuẩn về kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ cao đẳng theo quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo dục nghề nghiệp chuyên ngành: Kinh doanh, Thương mại, Kế toán, Tài chính, Kinh tế, Ngoại ngữ, Luật, Chính trị, Triết học hoặc ngành nghề phù hợp với một trong các ngành nghề đào tạo của Nhà trường.
2	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III)	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết	V.09.02.03	Hạng III	Tốt nghiệp Đại học trở lên hoặc có văn bằng trình độ tương đương đáp ứng tiêu chuẩn về kỹ năng nghề để dạy lý thuyết, tích hợp trình độ cao đẳng, có ngành nghề phù hợp với một trong các ngành nghề: Kinh doanh, Thương mại, Kế toán, Tài chính, Kinh tế, Ngoại ngữ, Luật, Chính trị, Triết học hoặc ngành nghề phù hợp với một trong các ngành nghề đào tạo của Nhà trường.
3	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III)	Giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành	V.09.02.04	Hạng III	Có chứng chỉ đáp ứng tiêu chuẩn về kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ cao đẳng theo quy định chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo dục nghề nghiệp chuyên ngành: Thương mại, Công nghệ chế biến, hoặc ngành nghề phù hợp với một trong các ngành nghề đào tạo của Nhà trường.

TT	Tên vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp tương ứng	Mã CDNN	Hạng CDNN	Trình độ chuyên môn được đào tạo
4	Chuyên viên về quản lý hoạt động đào tạo	Chuyên viên	01.003	Hạng III	Tốt nghiệp Đại học trở lên với ngành: Quản trị - Quản lý, Triết học, Tâm lý, Sư phạm. Quản lý giáo dục, Kế toán, Công nghệ. Luật hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp hoặc ngành nghề phù hợp với một trong các ngành nghề đào tạo của Nhà trường.
5	Chuyên viên về quản lý chất lượng giáo dục nghề nghiệp	Chuyên viên	01.003	Hạng III	Tốt nghiệp Đại học trở lên với ngành: Quản trị - Quản lý, Triết học, Tâm lý, Sư phạm. Quản lý giáo dục, Kế toán, Công nghệ. Luật hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp hoặc ngành nghề phù hợp với một trong các ngành nghề đào tạo của Nhà trường.
6	Chuyên viên về quản lý học sinh viên, công tác chính trị tư tưởng	Chuyên viên	01.003	Hạng III	Tốt nghiệp Đại học trở lên với ngành: Luật, Kế toán - Tài chính, Văn hóa, Sư phạm. Quản lý giáo dục, Tâm lý học, Triết học. Quản trị - Quản lý hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp hoặc ngành nghề phù hợp với một trong các ngành nghề đào tạo của Nhà trường.
III Nhóm VTVL chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung					
1	Chuyên viên về tổng hợp	Chuyên viên	01.003	Hạng III	Tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc chuyên ngành Quản trị - Quản lý, Luật, Kinh tế. Sư phạm hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp hoặc ngành nghề phù hợp với một trong các ngành nghề đào tạo của Nhà trường.
2	Kế toán trưởng	Kế toán viên	06.031	Hạng III	Tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính, Kinh tế.
3	Kế toán viên	Kế toán viên	06.031	Hạng III	Tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính, Kinh tế.
4	Chuyên viên Thủ quỹ	Chuyên viên	01.003	Hạng III	Tốt nghiệp Đại học trở lên thuộc chuyên ngành: Kế toán, Kiểm toán, Tài chính, Kinh tế.

TT	Tên vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp tương ứng	Mã CDNN	Hạng CDNN	Trình độ chuyên môn được đào tạo
5	Văn thư viên	Văn thư viên	02.007	Hạng III	Tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành: Văn thư - Lưu trữ, Lưu trữ học. Trường hợp có bằng tốt nghiệp đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ văn thư do cơ sở đào tạo có thẩm quyền cấp.
6	Y tế học đường	Điều dưỡng hạng IV	V.08.05.13	Hạng IV	Tốt nghiệp Cao đẳng trở lên ngành Điều dưỡng.
7	Chuyên viên về quản trị công sở	Chuyên viên	01.003	Hạng III	Tốt nghiệp Đại học trở lên với ngành Hành chính, Quản trị văn phòng, Xây dựng, hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp hoặc ngành nghề phù hợp với một trong các ngành nghề đào tạo của Nhà trường.
8	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	Chuyên viên	01.003	Hạng III	Tốt nghiệp Đại học trở lên với ngành: Quản trị - Quản lý, Luật, Kinh tế, Hành chính hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp hoặc ngành nghề phù hợp với một trong các ngành nghề đào tạo của Nhà trường.
9	Chuyên viên về thi đua, khen thưởng	Chuyên viên	01.003	Hạng III	Tốt nghiệp Đại học trở lên với ngành: Quản trị - Quản lý, Luật, Kinh tế, Hành chính hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp hoặc ngành nghề phù hợp với một trong các ngành nghề đào tạo của Nhà trường.
10	Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin	Chuyên viên	01.003	Hạng III	Tốt nghiệp Đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành Công nghệ thông tin hoặc ngành khác có liên quan.
11	Chuyên viên về truyền thông	Chuyên viên	01.003	Hạng III	Tốt nghiệp Đại học trở lên chuyên ngành: Báo chí, truyền thông, Quản lý giáo dục; Quản trị - Quản lý; Thông tin Truyền thông; Marketing; Kinh tế; Sư phạm.
12	Chuyên viên về hợp tác quốc tế	Chuyên viên	01.003	Hạng III	Tốt nghiệp Đại học trở lên với ngành: Quản trị - Quản lý, Giáo dục. Tâm lý, Hành chính, hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp hoặc ngành nghề phù hợp với một trong các ngành nghề đào tạo của Nhà trường. (ưu tiên lĩnh vực đối ngoại, ngoại giao, ngoại ngữ).

TT	Tên vị trí việc làm	Chức danh nghề nghiệp tương ứng	Mã CDNN	Hạng CDNN	Trình độ chuyên môn được đào tạo
13	Thư viện viên	Thư viện viên	V.10.02.06	Hạng III	Tốt nghiệp Đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành: Văn thư - Lưu trữ; Thông tin - Thư viện. Trường hợp có bằng tốt nghiệp Đại học chuyên ngành khác phải có chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin - Thư viện, Văn thư, Lưu trữ do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cấp.
IV	Nhóm VTVL hỗ trợ, phục vụ				
1	Nhân viên lái xe				Bằng B2 hoặc D
2	Nhân viên phục vụ				Tốt nghiệp THPT trở lên
3	Nhân viên kỹ thuật				Tốt nghiệp Trung cấp trở lên chuyên ngành kỹ thuật: điện, điện tử, điện công nghiệp. Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí.

